

THỰC TRẠNG TUÂN THỦ ĐIỀU TRỊ METHADONE CỦA BỆNH NHÂN ĐANG ĐIỀU TRỊ TẠI HUYỆN ĐIỆN BIÊN NĂM 2024

TÓM TẮT

Lò Văn Chinh¹, Đào Thị Hồng Vân^{2*}, Nguyễn Thanh Tú²

Mục tiêu: Mô tả thực trạng tuân thủ điều trị Methadone (MMT) của bệnh nhân đang điều trị tại huyện Điện Biên năm 2024.

Phương pháp: Thiết kế phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang có hồi cứu trên 480 bệnh nhân đang điều trị MMT ít nhất 6 tháng tại cơ sở điều trị và 12 cơ sở cấp phát Trung tâm Y tế huyện Điện Biên thông qua phỏng vấn trực tiếp bằng bộ câu hỏi và hồi cứu bệnh án từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024.

Kết quả: Theo kết quả tổng hợp từ phiếu điều tra, phần lớn bệnh nhân (71,88%) tuân thủ điều trị, duy trì uống thuốc đều đặn (không bỏ uống thuốc trên 2 tháng). Bệnh nhân còn sử dụng ma túy trái phép trong khi điều trị là 19,79% (n=95), lý do chủ yếu là buồn chán (64,21%), tất cả bệnh nhân (n=95) không còn dùng chung bơm kim tiêm khi sử dụng ma túy. Kết quả xét nghiệm nước tiểu dương tính với Morphine, Heroine trong 4 tháng từ 1/6/2024 đến 30/9/2024 là 19,79%.

Kết luận: Tỷ lệ tuân thủ điều trị MMT tại huyện Điện Biên ở mức khá cao (71,88% không bỏ uống thuốc trên 2 tháng). Tuy nhiên, vẫn còn một tỷ lệ đáng kể bệnh nhân sử dụng ma túy (19,79%) nguyên nhân chủ yếu do vấn đề tâm lý (buồn chán chiếm 64,21%). Cần tăng cường hỗ trợ tâm lý xã hội, tư vấn và các biện pháp khuyến khích để nâng cao hơn nữa hiệu quả tuân thủ điều trị.

Từ khóa: Tuân thủ điều trị, Methadone, huyện Điện Biên.

STATUS OF COMPLIANCE WITH METHADONE TREATMENT AMONG PATIENTS UNDER TREATMENT IN DIEN BIEN DISTRICT IN 2024

ABSTRACT

Objective: Describe the status of Methadone Maintenance Treatment (MMT) adherence among patients in Dien Bien district in 2024.

1. Trung tâm Y tế Thanh An, tỉnh Điện Biên

2. Trường Đại học Y Dược Thái Bình

*Tác giả liên hệ: Đào Thị Hồng Vân

Email: dthvan.tbump@gmail.com

Ngày nhận bài: 12/01/2026

Ngày phản biện: 02/3/2026

Ngày duyệt bài: 15/3/2026

Methods: A cross-sectional descriptive study with retrospective elements was conducted through direct interviews using a structured questionnaire and medical record review. Participants included 480 patients who had been undergoing Methadone maintenance treatment (MMT) for at least 6 months and were currently receiving care at the main treatment facility and 12 satellite dispensing sites under the Dien Bien District Health Center. Data collection took place from April to September 2024.

Results: According to the synthesized data from the survey questionnaires, the majority of patients (71.88%) adhered to treatment, maintaining regular medication intake (no missed doses for over two months). A total of 19.79% (n=95) of patients reported concurrent illicit drug use during treatment, primarily due to boredom/depression (64.21%). Among these users (n=95), none reported sharing needles/syringes. Urine test results positive for Morphine or Heroin during the four-month period from June 1, 2024 to September 30, 2024 were 19.79%.

Conclusion: The rate of adherence to MMT treatment in Dien Bien District was relatively high, with 71.88% of patients not missing medication for more than two months. However, a significant proportion of patients (19.79%) continued to use illicit drugs, primarily due to psychological factors, with boredom accounting for 64.21% of cases. There is a need to strengthen psychosocial support, counseling, and incentive measures to further enhance treatment adherence effectiveness.

Keywords: Treatment adherence, Methadone, Dien Bien district.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Huyện Điện Biên là một huyện miền núi biên giới thuộc vùng Tây bắc của Tổ quốc; là huyện trọng điểm về ma túy và HIV/AIDS, nơi có tình hình buôn bán, tàng trữ, vận chuyển và sử dụng trái phép chất ma túy rất phức tạp, khó kiểm soát. Đối tượng sử dụng ma túy trên địa bàn khá đa dạng, chủ yếu qua đường tiêm chích [1]. Tính đến năm 2023, toàn huyện đã ghi nhận 2.139 ca nhiễm HIV dương tính, trong đó lây nhiễm chủ yếu tập trung trong nhóm người nghiện chích ma túy (NCMT) [2]. Trước thực trạng này, nhằm giảm thiểu tác hại do

nghiện các chất dạng thuốc phiện (CDTP) gây ra, từ năm 2009, huyện Điện Biên đã bắt đầu triển khai các chương trình can thiệp dự phòng lây nhiễm HIV trong những người NCMT. Đặc biệt, chương trình điều trị thay thế các CDTP bằng thuốc MMT được chính thức đi vào hoạt động từ tháng 3/2011 với 15 bệnh nhân. Đến nay, huyện đã hình thành một mạng lưới điều trị với 01 cơ sở điều trị chính và 12 điểm cấp phát MMT tại các xã trong toàn huyện [1]. Điều trị thay thế nghiện các CDTP bằng MMT là một điều trị lâu dài, có kiểm soát, giá thành rẻ, được sử dụng theo đường uống nên giúp dự phòng các bệnh lây truyền qua đường máu như HIV, viêm gan B, C đồng thời giúp người bệnh phục hồi chức năng tâm lý, xã hội, lao động và tái hoà nhập cộng đồng. Để đảm bảo hiệu quả trong quá trình điều trị thay thế các CDTP việc tuân thủ điều trị của đối tượng nghiên cứu là hết sức quan trọng đảm bảo sự thành công trong điều trị.

Tại Việt Nam, đã có rất nhiều đề tài nghiên cứu về Thực trạng tuân thủ điều trị MMT. Các đề tài không chỉ tập trung nhiều vào việc điều tra thống kê, dịch tễ, mà đã đi vào đánh giá việc quản lý và theo dõi điều trị. Để không ngừng nâng cao chất lượng Điều trị thay thế nghiện các CDTP bằng MMT tại huyện Điện Biên chúng tôi tiến hành nghiên cứu với mục tiêu: “Mô tả thực trạng tuân thủ điều trị MMT của bệnh nhân đang điều trị tại huyện Điện Biên năm 2024” trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp can thiệp nhằm tối ưu hóa công tác điều trị và góp phần vào công tác phòng chống HIV/AIDS tại địa phương.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

- **Đối tượng nghiên cứu:** Những bệnh nhân nghiện ma túy đang tham gia điều trị thay thế nghiện các CDTP bằng MMT.

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Những bệnh nhân nghiện ma túy hiện đang sống tại địa bàn nghiên cứu được điều trị liên tục ít nhất là 6 tháng tính đến thời điểm điều tra tại Trung tâm y tế huyện và 12 Trạm y tế xã. Những bệnh nhân đồng ý tham gia nghiên cứu.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Những bệnh nhân có thời gian điều trị liên tục dưới 6 tháng tính đến thời điểm điều tra. Những bệnh nhân không đồng ý tham gia nghiên cứu.

Địa điểm nghiên cứu: Trung tâm Y tế huyện Điện Biên và 12 Trạm Y tế xã thuộc Trung tâm Y tế huyện Điện Biên tỉnh Điện Biên.

Thời gian nghiên cứu: từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu mô tả cắt ngang qua phỏng vấn trực tiếp kết hợp hồi cứu hồ sơ bệnh án của đối tượng nghiên cứu từ ngày 01/04/2024 đến ngày 30/09/2024 thông qua bộ câu hỏi được thiết kế sẵn phù hợp với mục tiêu nghiên cứu và chỉnh sửa và hoàn thiện sau khi tiến hành điều tra thử.

Cỡ mẫu và chọn mẫu

Sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện với cỡ mẫu toàn bộ 480 bệnh nhân đang điều trị nghiện các CDTP bằng thuốc MMT tại trung tâm y tế huyện Điện Biên và 12 trạm y tế xã thuộc Trung tâm Y tế huyện Điện Biên đảm bảo tiêu chuẩn vào nghiên cứu. Trong đó có 115 bệnh nhân hằng ngày đến uống thuốc tại trung tâm y tế huyện và 365 bệnh nhân được uống thuốc tại 12 trạm y tế xã.

Các biến số và chỉ số trong nghiên cứu

Biến số về đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (độ tuổi, tình trạng hôn nhân, trình độ học vấn,...).

Biến số về tiền sử sử dụng chất ma túy trước điều trị; tiền sử dung chung bơm kim tiêm; tình trạng sử dụng ma túy trong quá trình điều trị; tình hình tuân thủ điều trị của đối tượng nghiên cứu. Kết quả xét nghiệm Morphine, Heroine trong nước tiểu trong 4 tháng 1/6/2024 đến 30/9/2024 ở ĐTNCC đang điều trị MMT.

Tiêu chuẩn đánh giá tuân thủ điều trị: Bệnh nhân được xác định là tuân thủ điều trị cần thỏa mãn điều kiện: không bỏ bất kỳ liều nào trong vòng 2 tháng. Không tuân thủ điều trị: bỏ ít nhất 1 liều trong vòng 2 tháng.

2.3. Phương pháp thu thập số liệu

Phỏng vấn trực tiếp: đối tượng nghiên cứu kết hợp xem Hồ sơ, Bệnh án của bệnh nhân điều trị MMT tại Trung tâm Y tế huyện và 12 cơ sở cấp phát toàn huyện.; khoanh đáp án theo bệnh nhân trả lời và thu thập từ bệnh án theo bộ câu hỏi được chuẩn bị trước. bao gồm 2 phần.

Phần 1: Khảo sát các đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (độ tuổi, tình trạng hôn nhân, trình độ học vấn,...).

Phần 2: Phỏng vấn tình hình sử dụng chất ma túy, dùng chung bơm kim tiêm của ĐTNCC trước và trong điều trị MMT (có/không tiêm chích ma túy,

loại ma túy sử dụng, tần suất sử dụng, lý do còn sử dụng, có/không dùng chung bơm kim tiêm...). Tình hình cai nghiện ma túy hiện tại (có/chưa từng cai, số lần cai...). Tình hình tuân thủ điều trị MMT (không bỏ uống trên 2 tháng và 1 số tiêu chí phụ liên quan)

2.4. Phương pháp xử lý số liệu

Thông tin thu thập được nhập vào máy tính bằng phần mềm Epidata 3.01; xử lý và phân tích bằng phần mềm SPSS 21.0. Kết quả nghiên cứu được trình bày bằng các bảng, biểu đồ.

III. KẾT QUẢ

2.5. Đạo đức trong nghiên cứu

Nghiên cứu đảm bảo các quy định về đạo đức trong nghiên cứu y sinh học. Đối tượng nghiên cứu được thông tin đầy đủ và giải đáp mọi thắc mắc liên quan đến nghiên cứu. Họ tự nguyện, chấp thuận đồng ý tham gia nghiên cứu và ký vào bản chấp thuận tham gia nghiên cứu. Mọi thông tin của đối tượng nghiên cứu hoàn toàn được bảo mật và chỉ sử dụng thông tin một cách khái quát hóa và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu

Nhóm tuổi	Số lượng (480)	Tỷ lệ %
Tuổi		
Dưới 20 tuổi	02	0,42
Từ 20- 24 tuổi	10	2,08
Từ 25- 29 tuổi	20	4,17
≥ 30 tuổi	448	93,33
Tình trạng hôn nhân		
- Hiện độc thân	93	19,37
- Có gia đình	217	45,21
- Khác...	170	35,42
Trình độ học vấn		
- Không đi học	12	2,50
- Tiểu học	197	41,04
- Trung học cơ sở	148	30,83
- Phổ thông trung học	123	25,62
Khác...	0	0

Phần lớn ĐTNC có độ tuổi trên 30 chiếm 99,33%; chủ yếu là ĐTNC có gia đình (45,21%), tỷ lệ ĐTNC có trình độ Tiểu học chiếm tỷ lệ cao nhất (41,04%).

Bảng 2. Tiền sử sử dụng chất ma túy của ĐTNC trước khi điều trị MMT (n=480)

Tiền sử sử dụng chất ma túy	Số lượng	Tỷ lệ
Có tiêm, chích MT (Heroine)	357	74,38
Không tiêm, chích MT (Heroine)	123	25,62
Loại ma túy sử dụng		
Heroin	416	86,67
Thuốc phiện	08	1,67
Ma túy tổng hợp...	56	11,66
Tần suất sử dụng cao nhất		
- 1 lần/ngày	25	5,21
- 2 - 3 lần/ngày	103	21,46
- 4 - 5 lần/ngày	352	73,33

Tỷ lệ ĐTNC có tiền sử tiêm chích ma túy chiếm 74,38% (n = 357) ; loại ma túy sử dụng chủ yếu là Heroin chiếm 86,67% (n = 416) ; tần suất sử dụng 2-3 lần/ngày chiếm 21,46% (n=103) ; 4-5 lần/ngày chiếm 73,33% (n=352) và 1 lần/ngày chiếm 5,21% (n=25).

Bảng 3. Tiền sử dùng chung bơm kim tiêm trước khi điều trị MMT của ĐTNC (n = 357)

Tiền sử Dùng chung BKT	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Có dùng chung BKT	129	36,13
Không dùng chung BKT	228	63,87

Trong số 357 ĐTNC còn sử dụng có tuý trước khi điều trị MMT, có 36,13% ĐTNC còn dùng chung BKT (n=129) và không sử dụng chung BKT là 63,87% (n=228).

Bảng 4. ĐTNC còn sử dụng ma túy trong khi đang điều trị MMT (n=480)

Tình trạng sử dụng	Số lượng (n=480)	Tỷ lệ (%)
Còn sử dụng	95	19,79
Không sử dụng	385	80,21

ĐTNC còn sử dụng ma túy trong khi đang điều trị MMT chiếm 19,79% (n=95).

Bảng 5. Lý do ĐTNC còn sử dụng ma túy trong khi đang điều trị MMT (n=95)

Lý do	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Do bạn rủ	25	26,32
Do buồn chán	61	64,21
Khác	9	9,47

ĐTNC còn sử dụng ma túy do buồn chán chiếm tỷ lệ cao (64,21%, n=61); do bạn rủ là 26.32% (n=25). Còn lại là lý do khác.

Bảng 6. Tình trạng dùng chung BKT, tần suất và đường dùng ma túy khi đang điều trị MMT của ĐTNC (n=95)

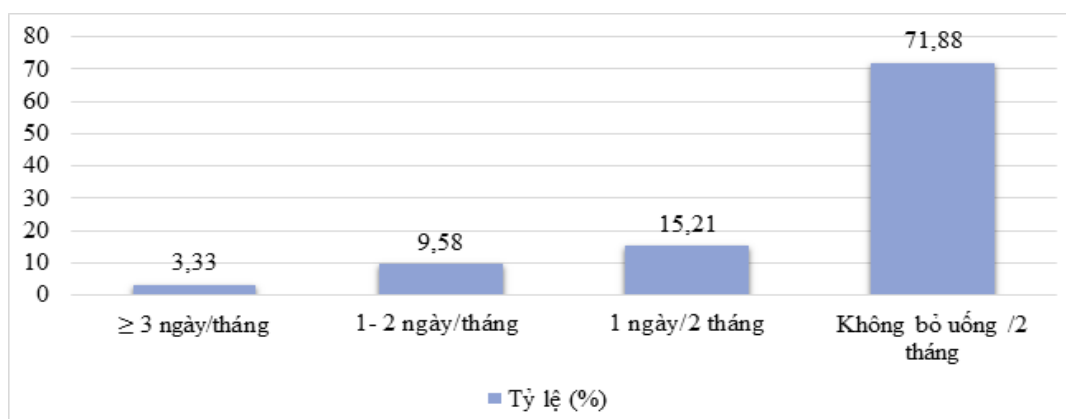
Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ %
SDMT theo đường tiêm chích.	45	47,36
Còn dùng chung BKT.	0	0
SDMT theo đường khác.	66	69,47
SDMT hàng ngày.	18	18,94
Thỉnh thoảng mới SDMT.	78	82,10

Tất cả ĐTNC không còn dùng chung BKT khi sử dụng ma túy; ĐTNC còn TCMT chiếm 47,36% (n=45); sử dụng ma túy hàng ngày chiếm 18,94% (n=18); thỉnh thoảng mới sử dụng ma túy chiếm 82,10% (n=78).

Bảng 7. Tình trạng cai nghiện lần hiện tại của ĐTNC (n=480)

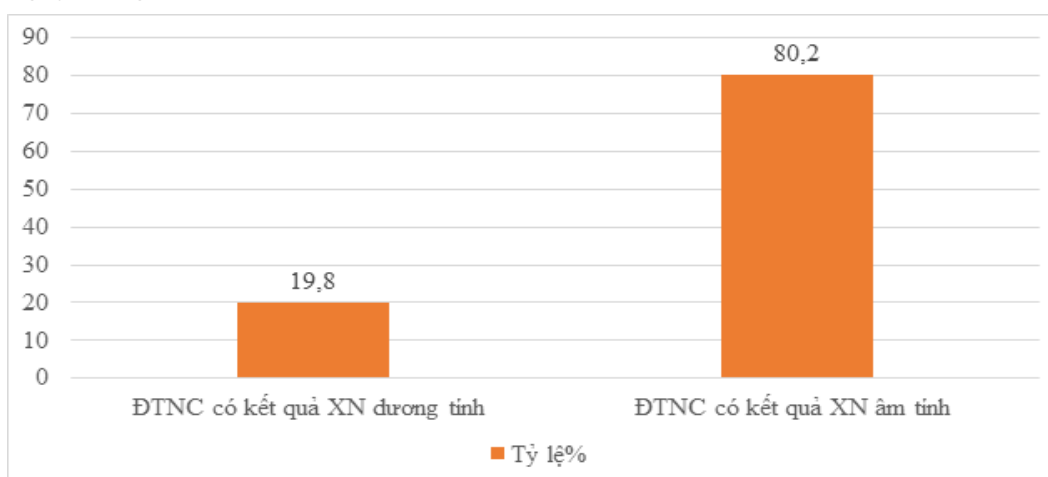
Tình trạng cai nghiện	Số lượng (n=480)	Tỷ lệ (%)
Đã từng cai nghiện	425	88,54
Chưa từng cai nghiện	55	11,46
Số lần cai nghiện ma túy (n=425)		
Từ 01 - 02 lần	252	52,50
Từ 3 - 4 lần	103	21,46
Trên 5 lần	70	14,58

ĐTNC đã từng cai nghiện chiếm 88,55% (n=425); Chưa từng cai nghiện chiếm 11,46%; cai từ 1-2 lần chiếm 52,50% (n=252) ; cai nghiện từ 3-4 lần chiếm 21,46% (n=103) ; Số cai trên 5 lần chiếm 14,58%.



Biểu đồ 1. Tình hình tuân thủ điều trị MMT của ĐTNC (n=480)

Tỷ lệ ĐTNC không bỏ uống trên 2 tháng chiếm có 345/480 bệnh nhân chiếm 71,88%; bỏ uống 1 ngày/2 tháng có 73/480 bệnh nhân chiếm 15,21%; bỏ 1-2 ngày/tháng có 46/480 bệnh nhân chiếm 9,58% ; bỏ uống trên 3 ngày/tháng có 16/480 bệnh nhân chiếm 3,33%.



Biểu đồ 2. Kết quả xét nghiệm Morphine, Heroine trong nước tiểu trong 4 tháng qua ở ĐTNC đang điều trị MMT (n=480)

Tỷ lệ ĐTNC có kết quả xét nghiệm Morphine, Heroine trong nước tiểu dương tính có 95/480 bệnh nhân chiếm 19,79%; ĐTNC có kết quả xét nghiệm âm tính là 385/480 bệnh nhân chiếm 80,21%.

IV. BÀN LUẬN

Nghiên cứu được thực hiện trên 480 đối tượng đang điều trị MMT tại huyện Điện Biên. Về nhóm tuổi của ĐTNC chủ yếu trên 30 tuổi, chiếm 93,33%. Tỷ lệ ĐTNC đang chung sống với vợ/chồng là 45,21%. Tỷ lệ này tương đương với kết quả nghiên cứu của Bui Thi Tu Quyên và cộng sự (2020) tại Long An, ghi nhận hôn nhân là một trong những yếu tố quan trọng liên quan đến quá trình và kết quả điều trị MMT [5]. Về trình độ học vấn ĐTNC có trình độ tiểu học chiếm tỷ lệ cao nhất là 41,04%, tuy nhiên vẫn còn 2,50% người không đi học. Điều này cho thấy nhận thức của người dân về lợi ích của việc tham gia điều trị nghiện các CDTP cũng như hậu quả của việc nghiện ma túy còn nhiều hạn chế. Về tiền sử sử dụng chất ma túy trước khi điều trị MMT của ĐTNC được biết có 357 người chiếm 74,38% có tiêm chích, loại ma túy sử dụng chủ yếu

là Heroine, chiếm 86,67%; tần suất sử dụng từ 4-5 lần/ngày chiếm 73,33%. Kết quả này có phần khác với nghiên cứu của Tòng Văn Khương năm 2020 (có TCMT chiếm 84,27%; sử dụng Heroine chiếm 93,57%) [3]. Điều này chứng tỏ mỗi thời điểm các đối tượng nghiện ma túy có hành vi sử dụng ma túy và tần suất sử dụng ma túy cũng khác nhau. Về tiền sử cai nghiện ma túy; đã từng cai nghiện có 425 người chiếm 88,54%. Kết quả nghiên cứu về tiền sử dùng chung BKT trước khi điều trị MMT của ĐTNC cho thấy, đã từng dùng chung BKT khi TCMT chiếm 36,13%. Qua hồ sơ bệnh án kết quả xét nghiệm Morphine, Heroine trong nước tiểu của 480 ĐTNC có 19,79% bệnh nhân còn dương tính với ma túy. Kết quả này thấp hơn với nghiên cứu của Tòng Văn Khương tại tỉnh Điện Biên năm 2020

là 28,35% [3]. Về lý do ĐTNC còn sử dụng ma túy khi đang điều trị MMT, chủ yếu do buồn chán chiếm 64,21%; đặc biệt là không có trường hợp nào dùng chung BKT khi TCMT. Tỷ lệ tuân thủ điều trị MMT của ĐTNC cho thấy tỷ lệ không bỏ uống trên 2 tháng chiếm khá cao là 71,88%. Kết quả này cao hơn nghiên cứu của Tông Văn Khương năm 2020 với tỷ lệ không bỏ uống trên 2 tháng là 67,52% [3] và nghiên cứu đa trung tâm của Nguyen Thi Thu Huong và cộng sự năm 2024 tại Việt Nam (54,3%) [6], đồng thời tương đương với nghiên cứu của Nguyễn Trường Giang tại Hà Nam (76,2%) [7]. Tuy nhiên, tỷ lệ này thấp hơn báo cáo chung của Bộ Y tế (2023) về tỷ lệ tuân thủ 6 tháng trên toàn quốc (~83%) [8] và nghiên cứu của Phạm Văn Sơn (2024) tại Nghệ An (81,6%) [9]. Sự khác biệt này phù hợp với nhận định của Bộ Y tế về những hạn chế trong duy trì điều trị tại khu vực miền núi [8], đồng thời phản ánh sự khác biệt về đặc điểm địa lý, tổ chức quản lý và hỗ trợ điều trị giữa các địa phương. Nhìn chung, tỷ lệ tuân thủ điều trị ở mức khá cao, phản ánh hiệu quả quản lý và sự ổn định của chương trình điều trị MMT tại huyện Điện Biên năm 2024.

Một điểm hạn chế trong nghiên cứu của chúng tôi là nghiên cứu cắt ngang các đối tượng hiện đang điều trị tại trung tâm y tế và các trạm y tế xã qua phỏng vấn trực tiếp và đối chiếu với hồ sơ bệnh án không có nhóm đối chứng và không trực tiếp theo dõi trong suốt quá trình điều trị.

V. KẾT LUẬN

Tỷ lệ ĐTNC còn sử dụng ma túy khi đang điều trị MMT là 19,79%, lý do chủ yếu do buồn chán chiếm 64,21%. Tỷ lệ tuân thủ điều trị MMT của ĐTNC; không bỏ uống thuốc trên 2 tháng chiếm 71,88%.

Từ những kết quả nghiên cứu cho thấy điều trị nghiện các CDTP bằng MMT là một biện pháp can thiệp hiệu quả, giúp giảm sử dụng ma túy bất hợp pháp. Tuy nhiên, hiệu quả của điều trị phụ thuộc rất lớn vào mức độ tuân thủ điều trị của bệnh nhân. Cần tiếp tục đẩy mạnh hoạt động thông tin, truyền thông về lợi ích của chương trình cho nhân dân. Tăng cường công tác tư vấn cho bệnh nhân và gia đình để tỷ lệ tuân thủ điều trị cao hơn, giảm nguy cơ bỏ liều.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Trung tâm Y tế huyện Điện Biên (2023)**, “Báo cáo kết quả thực hiện công tác y tế- dân số năm 2023, nhiệm vụ trọng tâm năm 2024 huyện Điện Biên”.
2. **Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Điện Biên (2022)**, “Báo cáo kết quả rà soát người nghiện ma túy năm 2022”.
3. **Tông Văn Khương (2020)**, Khảo sát đặc điểm dịch tễ và tuân thủ điều trị Methadone của bệnh nhân tại trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Điện Biên, Luận văn dược sĩ chuyên khoa cấp I, Trường Đại học Dược Hà Nội.
4. **Đàm Danh Tuyên (2020)**, Khảo sát đặc điểm dịch tễ và tuân thủ điều trị của người bệnh điều trị Methadone tại Cơ sở điều trị Methadone - Trung tâm kiểm soát Bệnh tật tỉnh Cao Bằng năm 2020, Luận văn dược sĩ chuyên khoa cấp I, Trường Đại học Dược Hà Nội.
5. **Bui Thi Tu Quyên và cộng sự (2020)**, Quality of life in methadone maintenance treated patients in Long An, a southern province of Vietnam, *Health Psychology Open*, 2020;7(2). DOI:10.1177/2055102920953053
6. **Nguyen Thi Thanh Huong & Dai Xuan Dinh (2024)**, Treatment non-adherence among methadone maintenance patients and associated factors: a multicenter, cross-sectional study in Vietnam, *Harm Reduction Journal*, 2024;21(1):129. DOI:10.1186/s12954-024-01040-8
7. **Nguyễn Trường Giang (2020)**, Khảo sát đặc điểm dịch tễ và tuân thủ điều trị của người bệnh điều trị Methadone tại Trung tâm kiểm soát bệnh tật Hà Nam, Luận văn dược sĩ chuyên khoa cấp I, Trường Đại học Dược Hà Nội.
8. **Bộ Y tế (2023)**, Báo cáo tổng kết chương trình điều trị Methadone tại Việt Nam, Cục Phòng chống HIV/AIDS, Hà Nội.
9. **Phạm Văn Sơn (2024)**, Thực trạng tuân thủ điều trị Methadone và một số yếu tố liên quan tại Trung tâm Y tế huyện Diên Châu, tỉnh Nghệ An năm 2023 Nguồn, Tạp chí Y Dược Thái Bình, Tập 1, Số 10, tháng 3 năm 2024.